

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/02/2025

“V/v không công nhận quan  
hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Bà Nguyễn Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân

huyện Mỹ Xuyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:***

Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2024, về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung là quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Ngọc H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lâm Văn T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

(Nguyên đơn bị đơn có mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện (yêu cầu tuyên bố quan hệ sống chung không phải là vợ chồng) ngày 22/10/2024 nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H trình bày: Vào năm

1993 bà và ông Lâm Văn T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung giữa bà H và ông T hạnh phúc thời gian đầu, hai người sống chung với nhau tại xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và có với nhau ba đứa con chung là: Lâm Văn L, sinh ngày 02/4/1995, Lâm Tiến P, sinh ngày 28/5/1997 và Lâm Tấn T1, sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành lao động được. Do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn với nhau làm tình cảm ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ năm 2024 bà H đã không còn tiếp tục sống chung với ông T. Nhận thấy, cuộc sống chung như vợ chồng với ông T không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục sống chung được với nhau. Nay bà Bùi Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: có 03 người con chung tên Lâm Văn L, sinh ngày 02/4/1995, Lâm Tiến P, sinh ngày 28/5/1997 và Lâm Tấn T1, sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành lao động được bà H không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

\* Đối với bị đơn ông Lâm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Lâm Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật. tại phiên toà ông Lâm Văn T trình bày: thừa nhận vào năm 1993 có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng với bà Bùi Thị Ngọc H nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống với bà H đã có với nhau 03 người con chung tên Lâm Văn L, sinh ngày 02/4/1995, Lâm Tiến P, sinh ngày 28/5/1997 và Lâm Tấn T1, sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành lao động được hiện tại đã có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết.

Nay bà Bùi Thị Ngọc H yêu cầu được chấm dứt quan hệ sống chung nhưng vợ chồng thì ông không đồng ý vì còn thương yêu bà H và các con, ông T2 yêu cầu

được tiếp tục sống chung để chăm lo gia đình cùng với bà H. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T không phải là quan hệ vợ chồng;

Về con chung: có 03 người con chung tên Lâm Văn L, sinh ngày 02/4/1995, Lâm Tiến P, sinh ngày 28/5/1997 và Lâm Tấn T1, sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành lao động đề nghị xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T không phải là quan hệ vợ chồng. Quan hệ pháp luật nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đã xác lập cuộc sống chung vào năm 1993 trên tinh thần tự nguyện và đã có với nhau ba người con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Xét lời thừa nhận về tình trạng hôn nhân của bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T2 tại phiên tòa. Căn cứ đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 21/10/2024 xác nhận về quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T được uỷ Ủy ban nhân dân xã T3 xác nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H về quan hệ sống chung như vợ chồng giữa bà Bùi Thị Ngọc H với ông Lâm Văn T nhưng không đăng ký kết hôn là sự thật, quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, giữa bà H và ông

3

Lâm Văn T đang tồn tại quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nên chịu sự điều chỉnh của Pháp luật. Vì vậy cần phải căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết, tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T có 03 người con chung tên Lâm Văn L, sinh ngày 02/4/1995, Lâm Tiến P, sinh ngày 28/5/1997 và Lâm Tấn T1, sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành lao động được bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Bùi Thị Ngọc H và ông Lâm Văn T không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: có 03 người con chung tên Lâm Văn L, sinh ngày 02/4/1995, Lâm Tiên P, sinh ngày 28/5/1997 và Lâm Tấn T1, sinh ngày 29/11/2006 đã trưởng thành lao động được bà H không yêu cầu xem xét giải quyết,

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005638 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà Bùi Thị Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

**Nơi nhân**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Toàn**